

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2020
Về việc ly hôn và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diên

2. Ông Võ Văn Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K. *Có mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Minh C, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, tỉnh K. *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B và anh T kết hôn ngày 29/02/2019, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2019. Sau khi kết hôn chung sống tại ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K. Trong quá trình sống chung, chị B bị bệnh nhưng anh T không quan tâm lo lắng nên cha mẹ ruột chị B rước về nhà ở để đưa đi trị bệnh. Khi đi được 03 ngày thì anh T đến kêu đưa vàng cưới lại cho anh T giữ nhưng chị B không đồng ý. Anh T báo chính quyền là cha mẹ chị B lấy vàng cưới của vợ chồng anh, thì được địa phương hòa giải hàn gắn. Sau khi hết bệnh chị về nhà bên chồng ở thì anh T lấy hết vàng cưới cất giữ. Từ đó mâu thuẫn xảy ra và vợ chồng sống ly

thân từ ngày 08/6/2019 đến nay. Tài sản chung gồm có 10 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 01 chỉ vàng 18 kara. Chị B trình bày không con chung, không nợ chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị B yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu chia đôi số tài sản chung, yêu cầu anh T giao lại cho chị 05 chỉ vàng 24 kara và 0,5 chỉ vàng 18 kara.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh T trình bày:* Anh và chị B cưới nhau ngày 29/02/2019, sau đó có đăng ký kết hôn. Nhưng trong thời gian chung sống chị B tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Anh chị chưa có con chung nên không cần cấp dưỡng khi ly hôn. Vợ chồng có tài sản là vàng được cho ngày cưới gồm: 10 chỉ vàng 24 kara và 01 chỉ vàng 18 kara. Quá trình chung sống đã bán 01 chỉ vàng 24 kara để chi xài trong gia đình. Anh chỉ còn giữ 09 chỉ vàng 24 kara và 01 chỉ vàng 18 kara. Nhưng anh T không đồng ý chia số vàng này vì đây là tài sản cho vợ chồng làm ăn, nếu ly hôn thì anh lấy lại. Ngoài ra, trong thời gian sống chung có thiếu vật tư nông nghiệp của anh Trương Minh C là 43.381.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh C vắng mặt phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2020 anh C trình bày:* Anh T còn thiếu nợ tiền vật tư nông nghiệp là 43.381.000 đồng. Đây là nợ chung của vợ chồng anh T hay nợ riêng thì anh không biết vì khi bán là bán cho anh T. Hiện nay không yêu cầu gì trong vụ án này nếu sau này có tranh chấp thì kiện thành vụ kiện khác.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh Trương Minh C có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị B và anh T. Tại phiên tòa, do chị B rút yêu cầu đối với 01 chỉ vàng 24 kara nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này, xác định tài sản chung hiện tại còn 09 chỉ vàng 24 kara và 01 chỉ vàng 18 kara (số vàng do anh T đang quản lý). Chấp nhận yêu cầu của chị Bích, chia đôi tài sản chung, buộc anh Trần giao cho chị Bích 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị B có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Do anh T khai có nợ vật tư của anh Trương Minh C nên Tòa án đã đưa anh C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh C có đơn xin xét xử vắng

mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh C.

Chị B yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn và chia tài sản chung*”.

Anh T xác định không yêu cầu phản tố đối với số tiền nạp tài, vàng cưới và số nợ của anh C, anh chỉ trình bày ý kiến nên không thụ lý yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, chị B xin rút yêu cầu chia 01 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) nên HĐXX căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị B.

[2] Về nội dung vụ án: Chị B và anh T đăng ký kết hôn năm 2019 đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Tòa án đã hòa giải động viên anh chị hàn gắn nhưng không thành, anh chị đều cương quyết ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị sống ly thân thời gian dài, tình cảm cũng không còn. Nay anh chị đều thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh T.

[3] Về con chung: Anh chị đều khai không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh chị xác định tài sản chung hiện tại còn 09 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 01 chỉ vàng 18 kara do anh T quản lý. Anh T không thống nhất chia vàng vì cho rằng do vàng này là vàng cho trong ngày cưới để vợ chồng làm ăn chung nên khi ly hôn thì anh lấy lại. Đối với số tài sản chung là 09 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 01 chỉ vàng 18 kara hai bên đều thừa nhận nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đương sự không cần phải chứng minh. Anh T nại ra lý do vợ chồng ly hôn nên trả vàng lại là không có cơ sở vì khi cho vàng trong ngày cưới giữa đôi bên không đưa ra điều kiện khi ly hôn là tài sản riêng của anh T. Vì vậy, do đây là tài sản được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân, anh T không có chứng cứ để chứng minh là tài sản riêng nên căn cứ Điều 43 của Luật Hôn nhân và gia đình xác định đây là tài sản chung và tiến hành chia đôi số vàng là phù hợp. Theo đó, anh T được nhận 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara; chị B được nhận 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara. Do số vàng anh T đang quản lý nên có nghĩa vụ giao cho chị B.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh T và chị B phải chịu án phí chia tài sản tương ứng với số tài sản được nhận là 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara.

Tiền án phí là $(4,5 \text{ chỉ vàng 24 kara} \times 4.500.000 \text{ đồng/chỉ}) + (0,5 \text{ chỉ vàng 18 kara} \times 2.400.000 \text{ đồng/chỉ}) = 1.082.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 92, 147, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, 55, 43 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Minh T.

2- Về con chung: không có.

3- Về tài sản chung:

3.1- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị B.

Xác định tài sản chung của chị B và anh T là 09 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 01 chỉ vàng 18 kara.

Tiến hành phân chia: Chị B được nhận 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara; anh T được nhận 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara.

Số vàng hiện do anh T đang quản lý nên buộc anh T có nghĩa vụ giao cho chị B 4,5 chỉ vàng 24 kara (loại 98%) và 0,5 chỉ vàng 18 kara.

3.2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia tài sản chung là 01 chỉ vàng 24 kara của chị Nguyễn Thị B đối với anh Lê Minh T.

4- Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị B chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009714 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Anh T phải chịu án phí đối với tài sản được chia là 1.082.500 đồng.

Chị B phải chịu án phí đối với tài sản được chia là 1.082.500 đồng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng số 0009715 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận số tiền là 472.000 đồng, chị B phải nộp thêm 610.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm